

THỰC TRẠNG BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI TỪ TRẢI NGHIỆM CỦA NỮ GIỚI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lê Thị Lâm

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Thị Lâm - Email: ltlam@ued.udn.vn

Ngày nhận bài: 03-5-2021; ngày nhận bài sửa: 19-7-2021; ngày duyệt đăng: 31-12-2021

Tóm tắt: Nghiên cứu tiến hành vào tháng 1/2020- 5/2020 nhằm tìm hiểu thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái từ sự trải nghiệm của nữ giới. Mẫu khảo sát gồm 553 phụ nữ hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng. Công cụ nghiên cứu là các câu hỏi đóng để khách thể tự trả lời. Dữ liệu sau đó được phân tích bằng thống kê toán học với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy nữ giới có trải nghiệm nhất định với các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái đặc biệt là bạo lực gia đình và tại nơi cộng đồng. Nạn nhân của bạo lực có thể là bất cứ ai, thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau. Những phụ nữ từng chứng kiến hoặc bị bạo lực đều có nhiều nét tương đồng về hình thức bạo lực, thời điểm, địa điểm và đối tượng gây ra bạo lực. Khi chứng kiến bạo lực đa số phụ nữ tích cực tìm kiếm thông tin, sự hỗ trợ của các tổ chức có trách nhiệm (công an, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực) nhưng khi bị bạo lực, tâm lý giấu diếm vẫn tồn tại phổ biến hoặc chỉ chia sẻ với người thân trong gia đình mà không tìm sự trợ giúp từ các cơ quan chức năng. Bạo lực giới gây ra nhiều ảnh hưởng đối với nữ giới là nạn nhân về cả thể xác lẫn tinh thần, đặc biệt tác động đến tâm lý khiến họ lo sợ, mất ngủ, mất sự tự tin và hạn chế giao tiếp xã hội.

Từ khóa: bạo lực; phụ nữ; trẻ em gái; Đà Nẵng; trải nghiệm; chứng kiến.

1. Đặt vấn đề

Tiếp cận trên cơ sở giới, bất bình đẳng giới là nguyên nhân gốc rễ của bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái (The United Nations Population Fund (Việt Nam), 2019). Xóa bỏ bạo lực là ưu tiên chính của các quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới bình đẳng giới. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận về bình đẳng giới. Tuy nhiên, tình trạng bạo lực, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn diễn biến phức tạp.

Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam trên mẫu đại diện cho toàn quốc gồm 4.838 phụ nữ trong độ tuổi từ 18 đến 60 ở các vùng nông thôn và thành thị của Việt Nam cho thấy khá rõ về tình

trạng bạo lực gia đình của phụ nữ tại Việt Nam. Cứ ba phụ nữ có gia đình hoặc đã từng có gia đình thì có một người (34%) cho biết họ *đã từng* bị chồng mình bạo hành thể xác hoặc tình dục. Số phụ nữ có hoặc từng có gia đình *hiện đang* phải chịu một trong hai hình thức bạo hành này (9%) (Tổng cục thống kê Việt Nam, 2010). Nghiên cứu “*Thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái: Nơi giấc mơ thành sự thật*” tiến hành hai lần: năm 2013 và năm 2016, lần 1 tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội; lần 2 tại 5 tỉnh: Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh và Trà Vinh cho thấy 87% phụ nữ và trẻ em gái phải trải nghiệm ít nhất một hình thức quấy rối tình dục nơi công cộng (ActionAid Quốc tế (Việt Nam) et al., 2014). Nghiên cứu về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam: Những xu hướng và bài học rút ra từ điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 thực hiện trên 5.976 phụ nữ từ 15 đến 64 tuổi trên 06 vùng miền ở Việt Nam, lấy mẫu theo phương pháp thiết kế mẫu đa tầng. Nghiên cứu cho thấy rằng hầu hết bạo lực đối

Cite this article as: Le, T. L. (2021). The reality of violation against women and girls from the experience of women in Da Nang city. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(2), 94-102

<https://doi.org/10.47393/jshe.v11i2.933>

với phụ nữ là do chồng hoặc người mà họ biết gây ra. (The United Nations Population Fund (Việt Nam), 2019).

Tại Thành phố Đà Nẵng, từ năm 2012 đến năm 2017, thành phố có 21 vụ án hiếp dâm, cưỡng dâm với 21 phụ nữ là nạn nhân; 121 vụ xâm hại trẻ em. Trong hai năm 2016 và 2017, Đà Nẵng giải quyết 4.200 vụ ly hôn, trong đó có 3.516 vụ do mâu thuẫn gia đình, 63 vụ ngược đãi và 19 vụ mâu thuẫn kinh tế (Bao Linh, 2017). Thống kê của Hội liên hiệp phụ nữ thành phố cho thấy trong 10 năm (2008 - 2018) có 3.187 vụ BLGD xảy ra với 3.187 nạn nhân, đa số nạn nhân là phụ nữ. Hầu hết nạn nhân trong các vụ bạo lực gia đình giai đoạn 2016 - 2018 là phụ nữ trong độ tuổi từ 16 - 59 tuổi (148 trường hợp trong năm 2016 và 117 trường hợp trong năm 2018). Báo cáo cũng cho thấy những con số nói trên mới chỉ là phần nổi của “tảng băng chìm” bởi trên thực tế đời sống, vẫn còn rất nhiều các hành vi bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em nhưng nạn nhân còn chưa dám lên tiếng tố cáo người bạo lực, xâm hại mình, mặt khác cộng đồng còn chưa quan tâm đến vấn đề thông báo, tố giác nên nhiều vụ bạo lực, xâm hại còn chưa được phát hiện và xử lý kịp thời (Hội liên hiệp phụ nữ Thành phố Đà Nẵng, 2018).

Trước những vấn đề thực tế trên, Thành phố Đà Nẵng cũng đã quan tâm đến vấn đề xây dựng thành phố an toàn với phụ nữ, trẻ em gái. Điều đó đã được thể hiện ở các văn bản như: Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Thành ủy Đà Nẵng về Ban hành Đề án Thực hiện chương trình “*Thành phố 4 an*” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020: an ninh trật tự, an toàn giao thông, an sinh xã hội và an toàn thực phẩm (Thành ủy Đà Nẵng, 2016b). Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng đã ban hành Kế hoạch số 1583/KH-UBND về Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2016-2020; (Thành ủy Đà Nẵng, 2016a); Kế hoạch số 3460/KH-UBND ngày 10/5/2017 về triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2017 với chủ đề “Triển khai Luật trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em” (Thành ủy Đà Nẵng, 2017b). Và đề án “*Thành phố an toàn và thân thiện đối với phụ nữ và trẻ em gái*” được Chính phủ phê duyệt nội dung tại Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 22/7/2016, trong đó nhấn mạnh việc triển khai mô hình thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái nhằm đảm bảo an toàn nơi công cộng (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số

1153/KH-UBND ngày 21/02/2017, tại nội dung 3 chú trọng xây dựng thành phố an toàn và thân thiện đối với phụ nữ và trẻ em gái (Thành ủy Đà Nẵng, 2017a).

Phụ nữ ở bất kỳ thời đại nào, quốc gia dân tộc nào cũng giữ vai trò trọng yếu không chỉ trong gia đình mà tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong công tác phòng chống bạo lực giới và xây dựng thành phố an toàn không bạo lực phụ nữ và trẻ em gái, sự tham gia của nữ giới góp phần rất lớn tạo nên hiệu quả cho hoạt động này. Từ tổng quan tài liệu, nghiên cứu đặt ra 2 câu hỏi: *Qua lăng kính của chính nữ giới, bạo lực phụ nữ và trẻ em gái tại Tp. Đà Nẵng hiện nay như thế nào? Nữ giới có phản ứng như thế nào khi trải nghiệm với các hình thức bạo lực?* Nội dung bài viết là kết quả khảo sát từ 553 khách thể là nữ giới tại thành phố Đà Nẵng về trải nghiệm với bạo lực phụ nữ và trẻ em gái cũng như phản ứng của họ khi chứng kiến và khi bị bạo lực.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nội dung bài viết là một phần kết quả từ đề tài cấp Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng (2019- 2021) về “*Giải pháp phòng ngừa bạo lực phụ nữ và trẻ em gái tại Thành phố Đà Nẵng*”. Nghiên cứu sử dụng công thức tính mẫu của Yamane ($n = N / (1 + N * e^2)$) để xác định cỡ mẫu, phạm vi khảo sát được giới hạn tại ba quận/huyện gồm 01 quận trung tâm là Hải Châu, 01 quận vùng ven là Liên Chiểu và 01 huyện trực thuộc TP Đà Nẵng là Huyện Hoà Vang. Số phiếu điều tra là 553 phiếu và phân bố ở mỗi quận, huyện như sau:

Bảng 1. Phân bố mẫu nữ giới

Đơn vị	Hải Châu	Liên Chiểu	Hòa Vang	Tổng số
Số dân (N)	192049	146611	118390	457.050
Số mẫu (n)	223	170	138	553

Nghiên cứu tiến hành khảo sát 553 nữ giới từ 18 tuổi trở lên, hiện đang sinh sống và làm việc trên địa bàn 3 quận/huyện thuộc Thành phố Đà Nẵng. *Thống kê dữ liệu nhân khẩu - xã hội học* của khách thể nghiên cứu là nữ giới gồm (i) *về tình trạng hôn nhân*: 79% nữ khách thể đã kết hôn, 10,3% đang độc thân, 5,6% sống chung với bố mẹ, 4,9 % đã ly hôn và ly thân; (ii) *Về trình độ học*

vấn có 47,9 % có trình độ trung học, cao đẳng, đại học, dưới trung học phổ thông là 48,3% và sau đại học là 3,3%; (ii) *Về nghề nghiệp*, chiếm nhiều nhất là làm việc nhà (26,2%), cán bộ/ viên chức (24,2%), công nhân (12,8%), nhân viên bán hàng (5,6%), nhân viên văn phòng (10,3%); (ii) *Về mức thu nhập*, phần nhiều nữ khách thể mức thu nhập trung bình và dưới trung bình (70,5%). Thời gian khảo sát vào tháng 1-5/2020. Phiếu hỏi gồm các câu hỏi đóng để khách thể tự trả lời, nội dung tìm hiểu về trải nghiệm với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trong 12 tháng qua cũng như phản ứng của họ khi chứng kiến hoặc bị bạo lực. Trong nghiên cứu này, khái niệm bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái là một trong các hình thức của bạo lực trên cơ sở giới, nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái, được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau trong đời sống xã hội hoặc trong cuộc sống riêng tư, cụ thể như: bắt bình đẳng giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em gái, nạo phá thai, lựa chọn giới sinh, tảo hôn, cưỡng dâm, hiếp dâm, quấy rối tình dục, lạm dụng tình dục trẻ em, bạo hành bỏ rơi trẻ em. Qua sàng lọc, nghiên cứu thu được phản hồi của 94 khách thể chứng kiến hành vi bạo lực và 24 khách thể bị bạo lực trong 12 tháng qua. Dữ liệu được phân tích và đánh giá với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 22.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Trải nghiệm (chứng kiến và bị) của nữ giới với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái

3.1.1. Nữ giới chứng kiến bạo lực

Kết quả thu được có 94/553 (chiếm 9,76%) nữ giới cho biết bản thân họ đã từng chứng kiến các hành vi bạo lực phụ nữ và trẻ em gái trong 12 tháng qua. Cụ thể:

Về hình thức bạo lực: Các hành vi bạo lực đã được chứng kiến nhiều nhất là bạo lực gia đình (78,7%), các hình thức khác có diễn ra nhưng tần suất lựa chọn thấp hơn (từ 1 - 20 %). Đáng chú ý, một số nữ giới cho biết họ

có chứng kiến hình thức “buôn bán phụ nữ và trẻ em” và “giết hại phụ nữ/ trẻ em gái”. Dù số lượng nữ giới chứng kiến là không nhiều nhưng đây là những hình thức bạo lực đặc biệt. Nghiên cứu đã tiến hành rà soát dữ liệu, kết quả phản hồi từ khách thể khảo sát cho thấy trong số các trường hợp chứng kiến hai dạng bạo lực này không phải là chứng kiến trực tiếp mà đều là chứng kiến gián tiếp qua các kênh thông tin khác như báo chí, truyền hình.

Địa điểm, thời điểm xảy ra bạo lực dường như là bất kỳ, trong đó nhiều nhất là khu dân cư (68,1%), ở nơi công cộng và trường học cũng được quan sát thấy/ chứng kiến nhưng không nhiều bằng (14,9 %), cơ sở khám chữa bệnh là địa điểm duy nhất không thấy các hình thức bạo lực PN và TEG. Thời điểm diễn ra bạo lực là bất kỳ thời gian nào trong ngày, đặc biệt nhiều vào khoảng thời gian vào buổi tối (18h - 22h).

Nạn nhân của bạo lực cũng rất đa dạng, nhiều thành phần khác nhau, cả người lạ lẫn người quen thân của người gây ra bạo lực, trong đó người quen là chiếm phần nhiều (58,5%), người lạ là 34,0%. Người thân lẫn bạn bè, đồng nghiệp cũng trở thành nạn nhân của bạo lực dù tần suất lựa chọn không đáng kể. Về độ tuổi, nạn nhân của bạo lực thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau, nhiều nhất là trẻ em dưới 15 tuổi (N = 22, chiếm 23, 4%) và các giai đoạn từ 24 - 54 tuổi. Điều này cho thấy bạo lực giới không loại trừ bất cứ ai, trẻ em, phụ nữ trẻ lẫn người trưởng thành đều có thể có nguy cơ phải đối mặt với các tình huống bị bạo lực.

Thông tin về người gây ra bạo lực, phần nhiều là những người trong độ tuổi 34 - 54 tuổi (63,2%). Đáng lo ngại là trẻ em/ thiếu niên (dưới 15 tuổi) cũng có thể là đối tượng gây ra bạo lực (N = 7). Đây là điều cần chú ý trong chiến lược phòng ngừa, đặc biệt đặt trong bối cảnh bạo lực học đường cũng như thực trạng trẻ em có hành vi phạm tội hiện nay đang trở nên đáng báo động tại nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

Bảng 2. Nữ giới chứng kiến hành vi bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (N = 94)

Stt	Nội dung	N	%	
1	Hình thức/dạng bạo lực chứng kiến trong vòng 12 tháng qua (Có thể chọn nhiều phương án)	Bạo lực gia đình	74	78,7
		Bạo lực trong trường học	20	21,3
		Bạo lực ở nơi làm việc	5	5,4
		QRTD ở nơi công cộng	9	9,6
		BLTD ở nơi công cộng	6	6,4

		Buôn bán phụ nữ và trẻ em	13	13,8
		Giết hại Phụ nữ/ trẻ em gái	8	8,5
		Ép kết hôn	2	2,2
		Tảo hôn	1	1,1
2	Địa điểm xảy ra hình thức/dạng bạo lực (Có thể chọn nhiều phương án)	Ở nơi công cộng (đường phố/công viên, bãi biển, xe buýt, khu du lịch...)	14	14,9
		Ở trong trường học	14	14,9
		Cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện, trạm y tế)	0	0
		Ở trong gia đình tôi	7	7,4
		Ở nơi tôi đang sinh sống (khu dân cư)	64	68,1
		Khác (ghi rõ)	4	4,3
3	Mối quan hệ giữa nạn nhân với người gây ra bạo lực	Thành viên gia đình tôi (con gái, chị, em gái..)	4	4,3
		Đồng nghiệp	1	1,1
		Người quen (bạn bè, hàng xóm...)	55	58,5
		Người lạ	32	34,0
4	Thời điểm xảy ra hành vi bạo lực	Trong ngày từ 6 giờ sáng đến 18 giờ	18	19,1
		Từ 18 giờ đến 22 giờ	68	72,3
		Từ 22 giờ đến 6 giờ sáng	8	8,5
5	Độ tuổi người thực hiện hành vi bạo lực	Trẻ em/Thiếu niên (<15)	7	7,4
		Vị thành niên và thanh niên (15 - 24)	2	2,2
		Người từ 24 - 34	17	18,1
		Người từ 34 - 44	30	31,9
		Người từ 44 - 54	20	21,3
		Người từ 55	7	7,4
		Không chắc chắn	11	11,7
6	Độ tuổi của nạn nhân	Trẻ em/Thiếu niên (<15)	22	23,4
		Vị thành niên và thanh niên (15 - 24)	7	7,4
		Người từ 24 - 34	18	19,1
		Người từ 34 - 44	19	20,2
		Người từ 44 - 54	12	12,8
		Người từ 55	5	5,3
		Không chắc chắn	11	11,7

3.1.2. Nữ giới bị bạo lực

Trong 553 khách thể tham gia khảo sát, nghiên cứu lọc được 24 người (4.34%) chia sẻ rằng tình trạng bạo lực đã xảy ra đối với họ trong 12 tháng vừa qua. Nghiên cứu

tiến hành tìm hiểu nhóm khách thể này, kết quả thu được như sau:

Về hình thức bạo lực: Nhiều nhất là bị bạo lực gia đình (N= 19), các hình thức khác là bị quấy rối tình dục

nơi công cộng (N = 5), thậm chí có những chị đã từng đối mặt với việc bị buôn bán, hoặc tình huống bạo lực hùng cướp đi mạng sống của họ.

Về địa điểm, thời điểm xảy ra bạo lực: Cũng giống như những chia sẻ của những người đã chứng kiến bạo lực, kết quả với nhóm khách thể này cũng cho thấy dường như bạo lực phụ nữ và trẻ em gái diễn ra ở bất kỳ nơi nào, trong gia đình, nơi công cộng hay khu dân cư, thậm chí là cả trường học và bệnh viện. Thời điểm diễn ra nhiều nhất là vào buổi tối, từ 18 giờ đến 22 giờ (N = 14).

Thủ phạm gây ra bạo lực nhiều nhất là tầm tuổi 44-54 tuổi, các giai đoạn khác cũng có nhưng không nhiều bằng. Giữa họ với nạn nhân chủ yếu là người trong gia

đình (N=10), hoặc người lạ (N = 8), người quen và đồng nghiệp cũng không loại trừ tuy nhiên số lượng không nhiều bằng.

Hậu quả của bạo lực: Nhiều nghiên cứu đã cho thấy bạo lực nói chung và bạo lực giới nói riêng gây nhiều hậu quả, sự tổn thương cả về thể xác lẫn tinh thần cho nạn nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái. Những nạn nhân của bạo lực trong nghiên cứu này cũng cho biết việc phải đối mặt với bạo lực khiến họ ảnh hưởng tâm lý như lo sợ, mất ngủ, mất tự tin (N= 12), hạn chế đi ra ngoài một mình (N= 8) hoặc hạn chế tiếp xúc với người lạ (N= 6), cảm thấy xấu hổ (N=3) hoặc thậm chí bị trầm cảm (N= 2).

Bảng 3. Nữ giới bị bạo lực (N = 24)

Stt	Nội dung		N	%
1	Hình thức bạo lực xảy ra trong vòng 12 tháng qua (Có thể chọn nhiều phương án)	Bạo lực gia đình	19	79,1
		Bạo lực trong trường học	4	16,7
		Bạo lực ở nơi làm việc	1	4,2
		Quấy rối tình dục ở nơi công cộng	5	20,8
		Bạo lực tình dục ở nơi công cộng	1	4,2
		Buôn bán phụ nữ và trẻ em	5	20,8
		Giết hại Phụ nữ và trẻ em gái	5	20,8
		Ép kết hôn	0	0
		Ép kết hôn sớm (tảo hôn)	0	0
2	Địa điểm bị bạo lực (Có thể chọn nhiều phương án)	Ở nơi công cộng (đường phố/công viên, bãi biển, xe buýt, khu du lịch...)	8	33,3
		Ở trong trường học	6	25,0
		Cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện, trạm y tế)	1	4,1
		Ở trong gia đình tôi	9	25,0
		Ở nơi tôi đang sinh sống (khu dân cư)	7	29,2
		Khác (ghi rõ)	0	0
3	Khoảng thời gian bị bạo lực	Trong ngày từ 6 giờ sáng đến 18 giờ	7	29,2
		Từ 18 giờ đến 22 giờ	14	58,3
		Từ 22 giờ đến 6 giờ sáng	3	12,5
4	Độ tuổi người gây ra bạo lực	Trẻ em/Thiếu niên (<15)	1	4,1
		Vị thành niên và thanh niên (15 – 24)	3	12,5
		Người từ 24- 34	3	12,5
		Người từ 34- 44	2	8,3
		Người từ 44 -54	12	50
		Người từ 55	1	4,1
		Không chắc chắn	2	8,3
5	Mối quan hệ giữa nạn nhân và người gây ra bạo lực	Đồng nghiệp	3	12,5
		Bạn bè/người quen	3	12,5
		Người trong gia đình	10	41,7
		Người lạ	8	33,3

Bảng 4. Phản ứng của nữ giới khi có trải nghiệm (chứng kiến/bị) hành vi bạo lực phụ nữ và trẻ em gái

Stt	Nội dung	Phản ứng của nữ giới	Chứng kiến bạo lực (N= 78)		Bị bạo lực (N= 24)	
			N	%	N	%
1	Phản ứng khi chứng kiến/bị bạo lực	Đổi đầu với người thực hiện hành vi	9	11,5	6	25
		Báo cho công an, tổ trưởng dân phố	52	66,7	13	54,2
		Báo cho ủy ban nhân dân xã/phường	13	16,7	0	0
		Báo cho các tổ chức đoàn thể (phụ nữ/đoàn thanh niên)	28	35,9	0	0
		Gọi/báo người xung quanh giúp đỡ nạn nhân	49	62,8	7	29,2
		Chụp ảnh/quay phim để ghi lại bằng chứng	11	14,1	3	12,5
		Chỉ nhìn xem	3	3,8	*1	*
		Gọi đến các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân	10	12,8	6	25
		Không làm gì cả	7	8,9	3	12,5
2	Lí do không có phản ứng gì khi chứng kiến/bị bạo lực	Vì tôi sợ bị trả thù	1	1,9	1	4,2
		Vì tôi cảm thấy xấu hổ	0	0	2	8,3
		Vì đó không phải là việc của tôi	1	1,9	*2	*
		Vì tôi không biết phải làm gì	7	8,9	1	4,2
		Vì đó là vụ việc nhỏ	0	0	0	0

Lưu ý: ¹“*”: item này không có trong phần hỏi với phụ nữ bị bạo lực.

²“*”: item này không có trong phần hỏi với phụ nữ bị bạo lực.

3.2. Phản ứng của nữ giới khi có trải nghiệm với hành vi bạo lực phụ nữ và trẻ em gái

Loại trừ các trường hợp chứng kiến gián tiếp (N= 16), nghiên cứu phân tích phản ứng của 78 nữ giới chứng kiến trực tiếp hành vi bạo lực và 24 nữ giới bị bạo lực. Kết quả cụ thể như sau (Bảng 4).

3.2.1. Phản ứng khi chứng kiến hành vi bạo lực

Phần lớn khách thể có trải nghiệm chứng kiến hành vi bạo lực đều cho rằng cần báo những vụ việc bạo lực cho công an (94,7%), chỉ một số ít không đáng kể lựa chọn không nên hoặc không thể hiện ý kiến của mình. Kết quả phản ứng khi chứng kiến hành vi bạo lực cho thấy phần nhiều nữ giới lựa chọn cách tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài, như báo cho công an, tổ dân phố (66,7%), gọi báo người xung quanh giúp đỡ nạn nhân (62,8%), “Báo cho các tổ chức đoàn thể (phụ nữ/đoàn thanh niên)” (35,9%). Tuy nhiên, cũng có những chị em

chỉ đứng nhìn (N=3) hoặc không làm gì cả (N=7), nguyên nhân là vì họ không biết phải phản ứng như thế nào trước những gì đang diễn ra hoặc sợ bị trả thù hoặc xem đó là việc không việc của mình. Số người có “Chụp ảnh/ quay phim để ghi lại bằng chứng” chiếm phần nhỏ (N= 11).

Những phụ nữ đã chứng kiến các tình huống bạo lực cũng cho rằng bản thân họ có biết đến các dịch vụ ở địa phương nhằm hỗ trợ nạn nhân bị quấy rối, xâm hại tình dục. Dịch vụ họ biết đến nhiều nhất là đường dây nóng, nhà tạm lánh, chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý và dịch vụ của các trung tâm bảo trợ xã hội. Có 18 khách thể trả lời không biết các địa chỉ trợ giúp này và lí do có thể là vì “không để ý”, “chưa bao giờ nghe thấy” hoặc “nghĩ là không có”.

3.2.2. Phản ứng khi bị bạo lực

Đối mặt với tình huống bị bạo lực, một số chị em lựa chọn phương án báo cho công an (N=13/24; chiếm

54,2%), hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ của những người xung quanh (N= 7, chiếm 29,2%), số ít gọi đến các dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực (N= 6, chiếm 25%). Cũng có những chị em đối đầu với người thực hiện hành vi bạo lực (N= 6, chiếm 25%), ít người trong số 24 khách thể này biết “Chụp ảnh/ quay phim để ghi lại bằng chứng” (N= 3, chiếm 12,5%). Có những chị em khi bị bạo lực đã “không làm gì cả”. Tuy số lượng không đáng kể (3/24 người, chiếm 12,5%), nhưng điều đó cũng cho thấy trong một số tình huống và trường hợp bị bạo lực nhất định, phụ nữ đã không có hành động gì để ứng phó với điều đó. Sự âm thầm chịu đựng này là “*vì tôi cảm thấy xấu hổ*” (2/3 người), vì “*tôi sợ bị trả thù*” (1/3 người), vì “*tôi không biết làm gì*” (1/3 người).

Đối diện với tình huống bị bạo lực hẳn nhiên với bất kỳ người phụ nữ nào cũng đều cảm thấy rất buồn phiền, đau đớn. Việc chia sẻ điều đó với người khác giúp họ phần nào vơi bớt đi những nỗi đau, hoặc có thể tìm kiếm được sự hỗ trợ. Trả lời câu hỏi “*Chị có chia sẻ với ai về sự việc này không?*”. Kết quả cho thấy khi bị bạo lực có phụ nữ chia sẻ câu chuyện của mình với những người trong gia đình (N= 12), với công an (N = 9), với chuyên gia tư vấn tâm lý (N= 7); số ít tìm đến bạn bè hoặc cán bộ trung tâm cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Việc chia sẻ là một phản ứng tích cực và cần thiết, tuy nhiên không phải phụ nữ nào cũng dễ dàng “*vén bức màn bí mật*”, xưa nay vốn là chuyện nhạy cảm mà đa phần phụ nữ Việt Nam vốn mang tâm lý sợ “*vạch áo cho người xem lưng*”, “*xấu chàng hổ ai*”. Trong số những chị em tham gia khảo sát, có 5 người cũng thành thật rằng họ đã không chia sẻ với ai về trải nghiệm bạo lực của bản thân. Khi được hỏi “*Vì sao chị không chia sẻ sự việc với cơ quan công an?*”, câu trả lời thu được cho thấy có nhiều yếu tố khác nhau cản trở việc nói ra điều này hoặc “*vì đó là vụ việc nhỏ*” (N=5), vì “*sợ bị trả thù*” (N= 4), vì “*nghe công an sẽ không giải quyết vụ việc của tôi*” (N=5), “*vì tôi không tin tưởng*” (N=2). Đây cũng là tâm lý thường gặp của các nạn nhân bạo lực trong một số nghiên cứu khác, sự chi phối bởi các tư tưởng, khuôn mẫu giới, niềm tin vào vai trò giới truyền thống, thái độ tiêu cực với phụ nữ và sự chấp nhận bạo lực, sự thiếu tin tưởng của nạn nhân với các sự trợ giúp bên ngoài là những yếu tố cản trở sự lên tiếng của phụ nữ trước bạo lực (Khuất Thu Hồng, 2016; Phạm Thị Vân, Nguyễn Phương Chi, 2019).

4. Kết luận và kiến nghị

Trong công tác phòng chống bạo lực giới và xây dựng thành phố an toàn, không bạo lực phụ nữ và trẻ em gái, hiểu biết và sự tham gia của nữ giới góp phần rất lớn tạo nên hiệu quả cho hoạt động này. Dù số liệu định lượng về các trường hợp chứng kiến bạo lực không đủ lớn song kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp một số vấn đề đáng quan tâm về thực trạng bạo lực đối với phụ nữ qua chứng kiến của nữ giới và phản ứng của họ đối với hành vi bạo lực. Cụ thể, bạo lực đối với phụ nữ diễn ra với nhiều hình thức, ở nhiều địa điểm (ở trong gia đình, trường học, nơi làm việc và nơi công cộng); trẻ em, vị thành niên cũng có thể là người gây bạo lực. Tâm lý che đậy, dấu diếm, không báo cáo và tìm kiếm sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng còn tồn tại. Đây là những thông tin hữu ích, có ý nghĩa về mặt thực tiễn trong việc cung cấp thêm bằng chứng để tiếp tục hành động, góp phần tạo cơ sở cho đề xuất giải pháp phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới tại địa bàn nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu gợi mở một số vấn đề cần được tìm hiểu sâu hơn trong những nghiên cứu kế tiếp như: Cơ chế phòng ngừa bạo lực hiệu quả của phụ nữ và trẻ em gái trước bạo lực; các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phòng ngừa hiệu quả với bạo lực.

Trên cơ sở kết quả phân tích, một số kiến nghị và gợi ý chính sách được đề xuất như sau:

1. Tăng cường công tác phòng ngừa bạo lực, đặc biệt phòng ngừa sớm trước khi bạo lực xảy ra. Để phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ cần phải có sự thay đổi thái độ, quan niệm, chuẩn mực, khuôn mẫu và các giá trị giới về nam giới, phụ nữ và thanh niên bao gồm cả trẻ em. Nâng cao nhận thức của người dân về bạo lực trên cơ sở giới là việc hết sức quan trọng để hỗ trợ thực hiện các chính sách và chương trình.

2. Cần tăng cường sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong các hoạt động phòng ngừa bạo lực. Nam giới có thể là tác nhân đồng đẳng cho sự thay đổi và giúp những nam giới khác hiểu được tác động của bạo lực đối với gia đình và người thân cũng như hạnh phúc của chính họ.

3. Để có những thay đổi về hành vi, đòi hỏi cần thời gian lâu dài và nhất quán, cần tăng cường các chương trình giáo dục về giới trong nhà trường, giáo dục trẻ em biết xây dựng các mối quan hệ dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và hiểu biết về bạo lực trên cơ sở giới, các chương trình hướng dẫn cha mẹ để giáo dục con cái về an toàn cơ

thể và lên tiếng khi chứng kiến hoặc trải nghiệm với hành vi bạo lực.

4. Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi tìm kiếm sự giúp đỡ của nữ giới là nạn nhân thường chưa tích cực vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Tâm lý xấu hổ, sợ hãi và thiếu tin tưởng cũng như hiểu biết chưa nhiều về mạng lưới và dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực,... như bức tường ngăn trở sự lên tiếng của phụ nữ. Vì vậy song song với việc cần xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó và can thiệp phù hợp hiệu quả và chất lượng cao là điều cấp thiết, cần tăng cường hoạt động nâng cao nhận thức của cộng đồng về bạo lực giới, giảm sự kỳ thị, thay đổi định kiến giới cho cộng đồng từ đó từng bước hạn chế những hành vi phân biệt, đổ lỗi với nạn nhân bạo lực. Điều quan trọng nữa là cần tập trung truyền thông, vận động chính phụ nữ để họ nhận thức đúng về vấn đề bạo lực và tích cực trong giải quyết vấn đề bạo lực. Bên cạnh đó, cần tăng cường khung pháp lý trong xử phạt hành vi bạo lực nơi công cộng và tăng mức xử phạt đảm bảo tính răn đe với hành vi bạo lực gia đình.

Tài liệu tham khảo

- ActionAid International Vietnam, Plan International Vietnam, & Center for Gender, Family and Environment in Development (CGFED). (2014). *Materials of the Conference "Safe cities for women and girls - Where dreams come true."* (Tài liệu hội thảo "Thành phố an toàn cho phụ nữ và trẻ em gái - Nơi giấc mơ thành sự thật").
- Bao Linh. (2017). The dialogue forum of Prevention and control of violence against women and girls (Diễn đàn đối thoại Phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái). *The website of Da Nang City Party Committee*. <https://dangbodanang.vn/frontend/tintuc/popup.xhtml?id=9972>.
- Danang Women's Union. (2018). *Assessment report on Ten-year implementation of the Law on Domestic Violence Prevention and Control 2008-2018* (Báo cáo Đánh giá 10 năm thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2008-2018).
- Khuat, T. H. (2016). "Symbolic pride" – "Face" and "Destiny" – Why violence remains in silence ("Tự hào biểu trưng" – "Thể diện" và "Số phận" – Lý do tại sao bạo lực chìm trong im lặng). Institute for Social Development Studies (ISDS).
- Pham, T. V., & Nguyen, P. C. (2019). Students' awareness and attitudes towards sexual harrasment behaviors (Nhận thức, thái độ của sinh viên về hành vi quấy rối tình dục). *Proceedings of the National Conference "Safe spaces for women and children – Policy recommendations"*, 137–148.
- Danang Municipal Communist Party Committee. (2016a). *Plan no. 1583/KH-UBND for Protection, care and education for children during the period 2016-2020* (Kế hoạch số 1583/KH-UBND về Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2016-2020). <https://danang.gov.vn/web/guest/chinh-quyen/chi-tiet?id=7188&c=10>.
- Danang Municipal Communist Party Committee. (2016b). *Decision no. 2526-QĐ/TU on 30/11/2016 on Announcing the Project of implementing "City with 4 safety principles" in Da Nang until 2020* (Quyết định số 2526-QĐ/TU ngày 30/11/2016 của Thành ủy Đà Nẵng về Ban hành Đề án Thực hiện chương trình "Thành phố 4 an" trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020). <https://dangbodanang.vn/vanbanmoi/quyetdinh/id/6020>.
- Danang Municipal Communist Party Committee. (2017a). *Plan no. 1153/KH-UBND on 21/02/2017 for Implementing the project "Preventing and combating gender-based violence during the period 2016-2020, projecting to the year 2030"* (Kế hoạch số 1153/KH-UBND ngày 21/02/2017 về triển khai Đề án "Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030").
- Danang Municipal Communist Party Committee. (2017b). *Plan no. 3460/KH-UBND on 10/5/2017 for Implementing the Action Month for children in 2017 with the topic "Implementing the Law on Children and preventing and combating violence and abuse against children"* (Kế hoạch số 3460/KH-UBND ngày 10/5/2017 về triển khai tháng hành động vì trẻ em năm 2017 với chủ đề "Triển khai Luật trẻ em và phòng, chống bạo lực,

xâm hại trẻ em). <https://danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=26283&c=3,9,33>.

The United Nations Population Fund (Việt Nam). (2019). *Violence against women in Vietnam: Patterns and lessons drawn from national study on violence against women in Vietnam in 2019 (Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam: Những xu hướng và bài học rút ra từ điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019)*. https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/4_tom_tat_chinh_sach.pdf.

Prime Minister of Vietnam. (2016). *Decision no. 1464/QĐ-TTg on 22/7/2016 on Approving the Project "Preventing and combating gender-based violence during the period 2016-2020, projecting to the year 2030" (Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 Phê duyệt Đề án "Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030")*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa->

<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/nghien-cuu-quoc-gia-ve-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-o-viet-nam/>.

General Statistics Office of Vietnam. (2010). *National Study on domestic violence against women in Vietnam (Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam)*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/nghien-cuu-quoc-gia-ve-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-o-viet-nam/>.

United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women. (2016). *Sexual harassment and other forms of sexual violence against women in public places in Ho Chi Minh City (Draft version)*. [Quấy rối tình dục và các hình thức bạo lực tình dục khác đối với phụ nữ nơi công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh. (Bản dự thảo)]. *Consultation workshop: Results of the entrance survey on building safe cities for women and girls in Ho Chi Minh City*.

THE REALITY OF VIOLATION AGAINST WOMEN AND GIRLS FROM THE EXPERIENCE OF WOMEN IN DA NANG CITY

Le Thi Lam

The University of Danang - University of Science and Education, Vietnam

Author corresponding: Le Thi Lam - Email: ltlam@ued.udn.vn

Article History: Received on 03rd May 2021, Revised on 19th July 2021, Published on 31st December 2021

Abstract: The research was conducted in January 2020 - May 2020 to examine the reality of violence against women and girls from women's experience. The survey sample included 553 women who were currently living and working in Da Nang city. The research instrument is a questionnaire composed of closed questions for the subjects to answer themselves. The data were then statistically analyzed with SPSS 22.0 software. The findings show that women have certain experiences with violence, especially violence in the home and in public places. Victims of violence can be anyone, of any age. Women who have witnessed or experienced violence have many similarities in terms of form, time, place and object of violence. When witnessing violence, most women actively seek information and support from responsible organizations (police or violence victim support services), but when experiencing violence, the mentality of hiding remains common among the victims, or they only shared with their family without seeking help from the authorities. Gender-based violence has significant impacts on the victims, both physically and mentally, especially psychologically, causing them to fear, lose sleep, lose confidence and limit social communication.

Key words: violence; women; girl; Da Nang; experience; witnessing.